

Những vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển mô hình các khu kinh tế tại Việt Nam

• Nguyễn Anh Tuấn

• Nguyễn Tiến Dũng

Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG HCM - Email: tuanna@uel.edu.vn

(Bài nhận ngày 18 tháng 6 năm 2016, hoàn chỉnh sửa chữa ngày 7 tháng 01 năm 2017)

TÓM TẮT

Khu kinh tế là một mô hình đặc biệt có vai trò quan trọng trong sự tăng trưởng và phát triển của mỗi quốc gia. Lịch sử hình thành các khu kinh tế đã bắt đầu từ trước thế kỷ 18 dưới hình thức các khu tự trị hay khu thương mại tự do. Cho đến nay, trải qua nhiều giai đoạn, mô hình khu kinh tế đã thể hiện dưới nhiều hình thái khác nhau. Bài nghiên cứu chủ yếu sử dụng phương pháp tổng hợp, so sánh để thấy được xu hướng hình thành và phát triển của các khu kinh tế tại Việt Nam và so sánh đối chiếu với thế giới. Qua đó, nhóm tác giả nhận thấy mô hình khu kinh tế ở Việt Nam có những

điểm tương đồng và khác biệt với các khu kinh tế trên thế giới và còn tồn tại nhiều hạn chế. Các mô hình khu kinh tế nước ta đã xây dựng chủ yếu dựa trên việc thu hút nguồn nhân lực giá rẻ, nguồn nguyên liệu có sẵn và chính sách ưu đãi. Theo xu hướng phát triển, cần chuyển đổi mô hình theo hướng xây dựng một thể chế, chính sách đủ mạnh để thu hút nguồn vốn đầu tư, nhân lực chất lượng cao tạo ra cửa ngõ hấp thụ tri thức, khoa học công nghệ đưa các khu kinh tế thực sự trở thành cực tăng trưởng, đưa kinh tế khu vực và cả nước phát triển.

Từ khóa: khu kinh tế, lịch sử hình thành, mô hình khu kinh tế.

1. ĐỀ DẪN

Kể từ khi khu kinh tế đầu tiên được ra đời vào năm thế kỷ 18, trải qua nhiều giai đoạn phát triển, cho đến nay khu kinh tế đã được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau và được khái quát dưới 6 dạng phổ biến: (1) khu trao đổi, thương mại tự do; (2) khu chế xuất; (3) khu công nghiệp; (4) khu cảng kinh tế tự do; (5) khu nhà máy độc lập; và (6) khu đặc biệt; (Fias, 2008)¹.

Tại Việt Nam hình thức khu kinh tế bắt đầu mạnh mẽ từ năm 1979 với sự hình thành của đặc khu kinh tế Vũng Tàu - Côn Đảo với mục tiêu ban đầu nhằm phục vụ phát triển cho ngành dầu mỏ và khí đốt. Sau 12 năm đi vào hoạt động thì đặc khu này đã giải tán dù không có nhiều lý do giải thích nhưng theo các chuyên gia kinh tế thì nguyên nhân chủ yếu bởi mô hình đặc khu này không mang lại nhiều sự khác biệt. Kể từ thời điểm này, tại Việt Nam nở rộ các loại hình khu công nghiệp và khu chế xuất khi Chính phủ đã ký hàng loạt quyết định thành lập các khu công nghiệp, khu chế xuất tại các địa phương. Cho đến 6/2012, cả nước đã có đến

¹ FIAS(2008), Special economic zone: performance, lessons, learned, and iplications for zone development, The World Bank.

334 khu công nghiệp được phê duyệt thành lập với tổng diện tích 90.900 ha, trong đó có 232 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động và 102 khu đang trong giai đoạn đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ bản (Trung tâm thông tin và dự báo Kinh tế xã hội quốc gia, 2013)². Bên cạnh đó, nhằm tận dụng thế mạnh để phát triển kinh tế biển, ngày 23 tháng 9 năm 2008, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 1353/QĐ-TTg Về việc phê duyệt Đề án “Quy hoạch phát triển các Khu kinh tế ven biển của Việt Nam đến năm 2020”, trong đó xác định rõ phương hướng chung hình thành hệ thống 15 khu kinh tế ven biển trải dài từ Bắc tới Nam. Ngoài ra vào tháng 7/2009, Chính phủ cũng đã thông qua đề án phát triển thị xã Móng Cái thành thành phố cửa khẩu Móng Cái. Như vậy, có thể nói các hình thức khu kinh tế ở nước ta cũng rất phong phú, nó thể hiện tầm nhìn và quyết tâm của Chính phủ trong việc tận dụng các thế mạnh trong địa kinh tế để tạo ra các cực tăng trưởng, hình thành hạt nhân góp phần thúc đẩy kinh tế của đất nước. Bài nghiên cứu thông qua việc tìm hiểu lịch sử hình thành các mô hình khu kinh tế (SEZ: Special Economic Zone) trên thế giới và đối chiếu Việt Nam, từ đó đánh giá nhận xét những nét đặc thù và những hạn chế trong việc hình thành các khu kinh tế tại Việt Nam hiện nay. Kết cấu của bài viết ngoài phần đề dẫn và kết luận còn có các nội dung: (1) khái niệm và các mô hình khu kinh tế trên thế giới; (2) phương pháp nghiên cứu; (3) Lịch sử phát triển mô hình khu kinh tế trên thế giới; (4) lịch sử hình thành, phát triển mô hình khu kinh tế tại Việt Nam.

2. KHÁI NIỆM VÀ CÁC MÔ HÌNH KHU KINH TẾ TRÊN THẾ GIỚI

Các khu tự do (FZ), khu kinh tế tự do (FEZ), đặc khu kinh tế (SEZ) là sản phẩm của quá trình gia tăng quan hệ kinh tế quốc tế và khu vực. Các khu kinh tế thường được xác lập trong một vùng lãnh thổ chính trị và địa lý nhất định trong các quốc gia hoặc tại các vùng xuyên biên giới giữa các quốc gia với nhau. Do nội hàm bên trong biểu hiện ra các hình thức bên ngoài dưới nhiều hình thức khác nhau chính vì vậy hiện nay chưa có một khái niệm thống nhất về khái niệm khu kinh tế. Song có một điểm chung là khái niệm khu kinh tế dùng để chỉ một không gian kinh tế cụ thể có môi trường đầu tư, kinh doanh “thoáng hơn” những quy định chung áp dụng ở cấp độ toàn nền kinh tế quốc dân.

Trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, khái niệm mô hình về khu kinh tế đã có nhiều sự thay đổi, tuy nhiên về cơ bản khu kinh tế vẫn bao gồm bốn đặc trưng cơ bản như sau:

- + Có vị trí địa lý riêng biệt, được đảm bảo an ninh riêng rẽ với các khu vực khác thông qua hàng rào hoặc ranh giới đặc biệt
- + Chế độ quản lý tập trung, đơn nhất (do Ban quản lý thực hiện)
- + Đảm bảo được những lợi ích dựa trên đặc tính cơ bản trong khu kinh tế
- + Có khu vực hải quan riêng biệt, có chế độ miễn thuế (hoặc giảm thuế) và thủ tục nhanh gọn so với các điều kiện của các khu vực bên ngoài.

Cụ thể, những đặc trưng về từng loại khu kinh tế được thể hiện qua bảng 1 như sau:

² Trung tâm thông tin và dự báo Kinh tế xã hội quốc gia (2013), Báo động về ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp Việt Nam, nguồn: <http://www.ncseif.gov.vn/sites/vie/Pages/baodongveonhiemmoi-nd-16538.html>
Ngày truy cập 19/9/2015

Bảng 1. Những đặc trưng về từng loại khu kinh tế

Loại hình	Mục tiêu phát triển	Giới hạn về địa lý	Đặc điểm nơi tọa lạc	Những hoạt động cho phép	Thị trường
Khu thương mại tự do	Hỗ trợ thương mại, trao đổi hàng hóa	Thường nhỏ hơn 50 ha	Thường nằm trong các khu vực cảng	Trung chuyển và trao đổi hàng hóa và những hoạt động khác	Trong nước và những hoạt động tái xuất
Khu chế xuất truyền thống	Sản xuất để xuất khẩu	Thường nhỏ hơn 100ha gồm tất cả các doanh nghiệp trong khu	Không hạn chế	Sản xuất và chế biến	Chỉ xuất khẩu
Khu chế xuất lai	Sản xuất và xuất khẩu	Thường nhỏ hơn 100ha gồm tất cả các doanh nghiệp trong khu	Không hạn chế	Sản xuất và chế biến	Xuất khẩu và phục vụ thị trường trong nước
Khu cảng tự do	Phát triển tích hợp nhiều mục tiêu khác nhau	Thường lớn hơn 100 km2	Không hạn chế	Nhiều hoạt động	Trong nước, và xuất khẩu
Khu công nghiệp	Đô thị hóa	Thường nhỏ hơn 50ha	Vùng ven của đô thị hoặc nông thôn	Nhiều hoạt động	Thị trường trong nước
Khu nhà máy độc lập	Sản xuất để xuất khẩu	Chỉ định cho từng doanh nghiệp	Không giới hạn	Sản xuất và chế biến	Xuất khẩu
Khu đặc biệt	Phát triển tích hợp nhiều mục tiêu khác nhau	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn

*Nguồn: FIAS, 2008***3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Bài nghiên cứu chủ yếu sử dụng phương pháp định tính thông qua tổng hợp và so sánh, đối chiếu sự khác biệt trong sự phát triển mô hình khu kinh tế của Việt Nam so với thế giới. Nguồn dữ liệu phục vụ nghiên cứu chủ yếu được lấy trên website (wikipedia), báo cáo của Bộ tài nguyên và Môi trường về Báo cáo môi trường quốc gia, môi trường các khu công nghiệp Việt Nam...

4. SỰ PHÁT TRIỂN CÁC MÔ HÌNH KHU KINH TẾ TRÊN THẾ GIỚI

Tuy có rất nhiều cách hiểu khác nhau,

nhưng các nhà kinh tế thống nhất một điều đó là các khu kinh tế đóng một vai trò rất quan trọng cùng với sự phát triển của quốc gia. Theo cách tiếp cận của địa lý kinh tế, việc tổ chức không gian kinh tế - xã hội có những đóng góp tích cực vào sự phát triển, tăng trưởng nền kinh tế của quốc gia và các vùng lãnh thổ qua các thời kỳ khác nhau. Chính vì vậy, tận dụng các lợi thế sẵn có, nhiều khu kinh tế được hình thành từ khá sớm trên thế giới.

Thời kỳ đầu tiên (trước thế kỷ 18 đến thế kỷ 19), các khu kinh tế đặc biệt được tồn tại dưới hình thức cảng tự do, hay các khu thương mại. Các khu này được thành lập dựa nhằm

khuyến khích sự trung chuyển thương mại, tận dụng những lợi thế về địa lý và tập trung chủ yếu ở các thành phố trên tuyến đường thương mại quốc tế. Châu Âu là nơi xuất hiện sớm nhất của cảng tự do và khu mậu dịch tự do. Cảng tự do tại Genoa được hình thành từ thế kỷ 16. Với những lợi thế về địa lý, sự thành lập của cảng đã trải qua nhiều thăng trầm khác nhau. Sau khi Ý thống nhất vào năm 1861, Genoa đã trở thành một thương cảng quan trọng nhất của Ý, cạnh tranh với cảng Marseille về thương mại của khu vực Địa Trung Hải.

Tiếp theo là giai đoạn hình thành một số khu tự do về mặt kinh tế liên quan đến chủ quyền của quốc gia, điển hình như: Gibraltar là bán đảo (khoảng 6km²), tranh chấp chủ quyền giữa Anh và Tây Ban Nha. Tuy có kích thước rất nhỏ, nhưng Gibraltar lại có vị trí cực kỳ đặc biệt cả về quân sự lẫn thương mại. Được bao quanh bởi nhiều quốc gia của Châu Á, châu Phi và châu Âu, nên Địa Trung Hải là vùng biển gần như khép kín, chỉ thông với Đại Tây Dương qua eo biển duy nhất là Gibraltar. Do đó, đây là một trong những tuyến giao thông hàng hải có lưu lượng tàu bè cao nhất thế giới, ngoài ra bán đảo này còn là một căn cứ hải - không quân rất quan trọng của quân đội Anh. Trước thế kỷ 18, Gibraltar là thuộc địa của Tây Ban Nha, tuy nhiên vào năm 1704, với sự kiện tàu chiến của Anh và Hà Lan chiếm được Gibraltar, đánh dấu thời kỳ nơi này được xem là tự chủ về mặt nội chính (mặc dù cho đến nay quốc gia này vẫn là nơi duy nhất ở Châu Âu được xem là thuộc địa, chưa thể coi là lãnh thổ tự trị của Anh dù trên thực tế, nơi này tự chủ về nội chính)³.

Singapore là trường hợp đặc biệt khi năm 1819, chính trị gia người Anh, Stamford

Raffles, thành lập Singapore hiện đại với vai trò là một trạm mậu dịch của công ty Đông Ấn Anh⁴, và trở thành khu kinh tế tự do sôi động quan trọng bậc nhất trên thế giới. Singapore hiện là một trong các trung tâm thương mại lớn của thế giới, với vị thế trung tâm tài chính lớn thứ tư và một trong năm cảng bận rộn nhất.

Là một điển hình về khu tự trị, Hồng Kong (Trung Quốc) trở thành lãnh thổ phụ thuộc của Vương Quốc Liên Hiệp Anh và Bắc Ireland và vào năm 1842. Với chính sách mở cửa tự do, khu vực này đã trở thành một trong những trung tâm thương mại sầm uất nhất thời bấy giờ. Sau khi giành được độc lập trao trả lại cho Trung Quốc thì Hồng Kong vẫn duy trì phần lớn chế độ chính trị, hệ thống pháp luật, lực lượng cảnh sát, chế độ tiền tệ, chính sách hải quan, chính sách nhập cư, hệ thống xuất bản, báo chí, hệ thống giáo dục của Anh, và các đại biểu trong các tổ chức, đảng phái, và sự kiện quốc tế⁵. Đây trở thành hình mẫu, cũng như là cảm hứng trong việc Trung Quốc thành lập hàng loạt các đặc khu kinh tế sau này (Thâm Quyển, Sán Đầu, Chu Hải, Hạ Môn). Ngoài ra cũng cần phải kể đến trường hợp của Ma Cao, Trung Quốc. Theo lịch sử thì đến năm 1887, Ma Cao trở thành thuộc địa của Bồ Đào Nha. Với địa lý thuận lợi là khu vực giáp biển Đông, Bồ Đào Nha đã xây dựng và phát triển Ma Cao như là một khu thương mại sầm uất, với nhiều thế mạnh về du lịch, ngoại thương và đánh bạc. Tương tự như Hồng Kong, sau khi được trao trả cho Trung Quốc (vào tháng 12 năm 1999) thì Ma Cao vẫn có quyền tự trị cao độ ít nhất là đến năm 2049 (tức là 50 năm sau ngày chuyển giao)⁶.

Giai đoạn cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20.

³ Nguyễn Ngọc Lan Chi, 2015, Eo biển Gibraltar dậy sóng, Thanh niên online, ngày truy cập 12/7/2015, nguồn <http://www.thanhnien.com.vn/the-gioi/eo-bien-gibraltar-day-song-471533.html>

⁴ <https://vi.wikipedia.org/wiki/Singapore>

⁵ https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%93ng_K%C3%B4ng

⁶ https://vi.wikipedia.org/wiki/Ma_Cao

Giai đoạn này đánh dấu sự ra đời của các khu mậu dịch tự do. Khu đầu tiên được thành lập thuộc thành phố Hamburg, Đức. Thành phố này được ví như là cửa ngõ của Đức ra thế giới, nó có cảng lớn nhất đất nước và dân cư đông thứ 2 ở Châu Âu. Hamburg được ví như thành phố của tự do. Chính vì vị trí đặc biệt như vậy nên vào năm 1888, Hamburg đã xây dựng khu mậu dịch tự do đầu tiên của thế giới. Tiếp theo đó, năm 1934, với sự kiện Quốc Hội Mỹ phê chuẩn dự luật xây dựng khu thương mại với bên ngoài đánh dấu sự ra đời của hàng loạt các khu mậu dịch tự do ở Mỹ. Cho đến năm 1990, Mỹ đã xây dựng 145 khu ngoại thương với những đặc điểm tương tự như các cảng tự do. Khu ngoại thương xây dựng năm 1937 tại New York đã tiếp kế xây dựng cơ sở hạ tầng gồm bốc dỡ hàng hóa, vận tải, kho bãi, lắp ráp, chế tạo và trưng bày sản phẩm... Đồng thời khu vực này còn có thể thực hiện việc trung chuyển, vận tải theo đường thủy, đường bộ và đường hàng không. Trừ các sản phẩm có hại cho lợi ích công, không tốt cho sức khỏe và sự an toàn của con người, tất cả các sản phẩm của nước nào cũng đều không bị hạn chế bởi chính sách hải quan của Mỹ, được miễn thuế ra vào tự do trong khu ngoại thương. Chính vì lý do này nên nhiều người thường nhầm lẫn giữa cảng tự do và khu ngoại thương. Tuy nhiên, theo nghĩa rộng thì khu ngoại thương có thể không cần xây dựng tại các cảng biển, nó có thể xây dựng ở khu vực cửa khẩu, sân bay, hoặc gần cửa khẩu sân bay, cũng có thể xây dựng ở khu vực nội địa. Có thể nói, khu ngoại thương là hình thái của cảng tự do được mở rộng. Đây là bước chuyển tiếp quan trọng trong quá trình phát triển cũng như mở rộng mô hình các khu kinh tế ở giai đoạn tiếp theo.

Giai đoạn sau thế chiến thứ 2, hàng loạt các khu kinh tế được hình thành dưới nhiều hình thức khác nhau, nổi bật trong đó là hình thức gia công xuất khẩu (khu chế xuất). Khu

mậu dịch tự do cảng hàng không quốc tế của Ai len được xây dựng nhờ tận dụng nguồn vốn nguyên vật liệu từ nước ngoài, phát triển loại hình gia công xuất khẩu, vì vậy người ta thường coi cảng hàng không quốc tế này là khu gia công xuất khẩu xuất hiện sớm nhất trên thế giới.

Ở Châu Á, hàng loạt các khu chế xuất cũng đã được thành lập, đi đầu là Đài Loan, Trung Quốc với việc thành lập khu gia công xuất khẩu đầu tiên tại Cao Hùng. Học hỏi từ mô hình này, hàng loạt các quốc gia tại Châu Á và Châu Phi đã xây dựng nhiều khu gia công xuất khẩu với nhiều hình thức khác nhau. Như ở Ấn Độ, Thái Lan (Châu Á), Angola, Libira, Senegal...

Các nước Châu Mỹ La tinh chịu ảnh hưởng nhiều của các quốc gia Châu Âu và mô hình khu ngoại thương của Mỹ, hàng loạt quốc gia xây dựng các khu kinh tế như: Mexico, Brazil, Columbia,... Đặc trưng chủ yếu của khu vực này là sử dụng các khu kinh tế để hỗ trợ xuất khẩu và tạo thuận lợi cho thương mại.

Hình thức khu chế xuất với nhiều đặc điểm nổi trội, là một trong những giải pháp thu hút vốn đầu tư nước ngoài, gia tăng lợi thế cạnh tranh địa phương dựa trên nguồn nhân công giá rẻ và nguồn nguyên vật liệu sẵn có, chính vì vậy hình thức này được rất nhiều các quốc gia đang phát triển áp dụng. Các quốc gia đang phát triển cũng tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu nhưng ở những mức độ khác nhau. Trong giai đoạn đầu tiên, mức độ tham gia thường chỉ là gia công đơn giản và hình thức chủ yếu là OEM (Original Equipment Manufacturing: ủy thác gia công). Ở hình thức này những doanh nghiệp chế xuất chỉ chịu trách nhiệm gia công một phần trong dây chuyền công nghệ, giai đoạn đầu và cuối được thực hiện bởi doanh nghiệp đặt hàng thường xuất phát từ các quốc gia phát triển. Khá nhiều hình thức gia công có thể thấy ở trên thực tế ở

các ngành khác nhau: may mặc, chế tạo,... Không thể phủ nhận vai trò của hình thức này đối với các quốc gia đang phát triển thể hiện ở các điểm sau: (1) Các đơn hàng này chắc chắn sẽ có đầu ra, chính vì vậy các doanh nghiệp nhận ủy thác không cần phải lo những công việc liên quan đến khảo sát nhu cầu khách hàng, phân phối. (2) Trong quá trình gia công, một phần công nghệ của các doanh nghiệp đặt hàng cũng được chuyển giao lại cho các doanh nghiệp được ủy thác, vì vậy cũng có tác dụng tích cực trong đào tạo nguồn nhân lực và phát triển công nghệ tại nước bản địa. (3) Số lượng các đơn hàng lớn sẽ làm cho tăng quy mô sản xuất, phát huy được công suất tối đa của các nhà máy, giảm giá thành sản xuất. (4) Vốn đầu tư vào các hoạt động gia công không cần quá lớn, vòng chu chuyển nhanh. (5) Chính trong quá trình gia công các doanh nghiệp bản địa cũng dần tích lũy về vốn và công nghệ để có thể chuyển mình sang những hình thức cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu như ODM (Original Design Manufacturing: tự mình thiết kế) hay OBM (Original Brand Manufacturing: tạo thương hiệu riêng cho mình).

Cũng trong giai đoạn này, với sự tiến bộ khoa học công nghệ vượt bậc đã xuất hiện những hình thức về khu kinh tế đặc biệt có tác động lớn đến sự phát triển của thế giới. Người Mỹ lại là người đi đầu trong việc ra đời hình thái mới này với sự ra đời của Thung lũng Silicon (Silicon Valley) vào năm đầu của thập niên 50 thế kỷ 20. Khởi đầu, đây là một khu vườn khoa học kỹ thuật ở thung lũng cạnh trường đại học Stanford (Mỹ) với ý tưởng táo bạo kết hợp giữa tri thức khoa học với kinh doanh. Cha đẻ của thung lũng Silicon được cho là Frederick Terman, một giáo sư điện toán tại trường đại học Stanford. Năm 1953, Frederick Terman đã phát động một chương trình hợp tác để tạo cơ hội cho các kỹ thuật viên làm việc tại các công ty trong thung lũng có thể tham dự

các khóa học buổi tối ở Đại học Stanford để nâng cao kiến thức. Chương trình này đã thắt chặt thêm sự gắn bó giữa trường đại học và các công ty trong thung lũng. Nó cho phép các kỹ sư có thể học hỏi và cập nhật kịp thời những kiến thức mới, đồng thời các thành viên trong trường Đại học cũng có dịp được tiếp xúc với thực tiễn công nghệ. Đồng thời, Terman cũng đã thành lập nên "công viên công nghiệp" đầu tiên của trường đại học, gọi là Công viên Nghiên cứu Stanford. Tính đến năm 2000, nơi này đã có khoảng 50 công ty với 23.000 nhân viên và 50 trung tâm nghiên cứu⁷. Các viện nghiên cứu đóng vai trò như sợi dây liên kết giữa Đại học Stanford và nền công nghiệp của Thung lũng Silicon. Việc đào tạo nâng cao chuyên môn cho các cán bộ trẻ được vận hành thông qua mạng lưới xã hội được thiết lập giữa các công ty và các giáo sư Đại học. Những giám đốc của các trung tâm nghiên cứu luôn là những người vừa có chuyên môn như các giảng viên Đại học lại vừa có năng lực và kinh nghiệm trong hoạt động kinh doanh. Sự thành công của Thung Lũng Silicon đã có tác động động viên rất lớn đối với các trường đại học và các nhà khoa học ở khắp nơi trên thế giới. Rất nhiều nghiên cứu đã được thực hiện nhằm xây dựng cơ sở lý luận cho sự phát triển của loại hình doanh nghiệp này, trong đó đáng chú ý nhất có lẽ là các nghiên cứu của GS. M. Aoki⁸ thuộc Đại học Stanford (Mỹ). Các nghiên cứu ấy đã tạo điều kiện cho việc quảng bá, xuất khẩu mô hình doanh nghiệp bên cạnh trường đại học ở Thung Lũng Silicon trên phạm vi

⁷ Nguyễn Ngọc Điện, 2013, *Nghiên cứu xây dựng cảm năng quản trị và dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp trong ĐHQG- HCM*, đề tài cấp ĐHQG-HCM trọng điểm 2011, mã số B2011-76-01TD

⁸ Bài viết : *An Organizational Architecture of T-form: Silicon Valley Clustering and its Institutional Coherence*, In honor of Professor Oliver Williamson, *Industrial and Corporate Change*, 13(2004), pp.967-81 và một số công trình tiêu biểu từ CV của ông theo đường link: <http://web.stanford.edu/~aoki/publications/index.html>

toàn thế giới. Đây có thể là mô hình khu kinh tế (SPZ: Science Park Zone: khu công viên khoa học) được phát triển theo hướng hiện đại với việc tận dụng thế mạnh nguồn nhân lực chất lượng cao, dựa vào khoa học công nghệ và tri thức kết hợp những chính sách ưu đãi về thuế, đất đai từ phía Nhà nước. Tiếp theo sự thành công của mô hình Thung lũng công nghệ (Khu công viên công nghệ) tại Mỹ thì hàng loạt những khu công nghệ cao được ra đời. Học tập kinh nghiệm của Mỹ, các nước phương Tây và Nhật bản cũng phát triển mô hình này. Cuối những năm 1970, Bộ Công thương Nhật Bản đã đưa ra ý tưởng xây dựng thành phố khoa học kỹ thuật nhằm phát triển thung lũng Silicon của riêng mình. Để khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ tham gia, Chính phủ Nhật đã đưa ra hàng loạt các chính sách khuyến khích: giảm thuế, khấu hao đặc biệt, bảo lãnh tín dụng... Xu hướng chuyển từ công nghệ ổng khối trước đây (công nghiệp nặng) chuyển sang những ngành công nghiệp nhẹ với sự áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, kỹ thuật mới: máy tính, điện tử, công nghệ sinh học, công nghiệp hàng không... là chủ yếu. Ý tưởng này đã được sự ủng hộ nhiệt tình của các doanh nghiệp trong nước và kết quả là ngay cả đảo Cửu Châu, nơi xa xôi, lạc hậu nhất của Nhật Bản cũng đã trở thành “Thung lũng Silicon” thứ hai trên thế giới. Bên cạnh đó cần kể đến sự vươn lên của người Trung Quốc với sự thành công của công viên khoa học Zhongguancun, được thành lập vào năm 1988 tại Bắc Kinh (Wang, Xiaomin, 2000)⁹. Được thành lập năm 1988 tại cơ sở đầu tiên ở quận Haidian phía tây bắc Bắc Kinh dưới danh nghĩa là một khu thực nghiệm khoa học công nghệ cao, Công viên Zhongguancun đã nhanh chóng phát triển và trở thành đầu tàu kinh tế trong lĩnh vực công nghệ cao của Trung Quốc. Hiện Công viên có

hơn 6000 doanh nghiệp, phần lớn hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Giai đoạn tiếp theo từ 1975 đến nay, Đây là giai đoạn nở rộ của các loại hình khu kinh tế. Nếu trong giai đoạn 1975 chỉ có 665 khu thì cho đến 2007, đã có tổng cộng 2301 khu kinh tế được hình thành (FIAS, 2008). Giai đoạn này nổi bật với sự hình thành của các đặc khu kinh tế theo mô hình đặc khu kinh tế điển hình là các trường hợp Thâm Quyển của Trung Quốc. Thâm Quyển có lẽ là một trường hợp đặc biệt, theo cách nói ví von của các nhà khoa học, các tổ chức nghiên cứu trên thế giới, và trong nghiên cứu của mình, Thomas Farole, Gokhan Akinci (2011) đã gọi đây là phép màu Thâm Quyển. Đặc khu kinh tế được hình thành dựa trên ý tưởng về cơ chế hoạt động và tổ chức của khu tự trị Hồng Kong. Chính phủ Trung Quốc muốn áp dụng một mô hình tương tự như vậy ở Đại lục. Chính vì vậy, quyết định liên quan đến việc thành lập đặc khu kinh tế ở Trung Quốc được Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc thông qua vào tháng 7 năm 1979. Sau đó Chính phủ Trung Quốc đã bắt tay và công tác chuẩn bị thành lập đặc khu kinh tế Thâm Quyển và chính thức đi vào hoạt động vào năm 1980. Sở dĩ các nhà xây dựng chính sách của Trung Quốc lựa chọn Thâm Quyển bởi vì nó hội tụ đầy đủ những đặc điểm thuận lợi: về vị trí địa lý chỉ cách Hồng Kong một con sông và cách trung tâm Hồng Kong khoảng 40 km. Chính quyền Trung Quốc đã thử nghiệm trao quyền tự chủ cho đặc khu trong việc đề ra các ưu đãi riêng với các nhà đầu tư với điều kiện những ưu đãi đó nằm trong khuôn khổ pháp luật nhà nước. Các chính sách được áp dụng nhằm thu hút đầu tư về thuế, tài chính, cơ sở hạ tầng, chính sách đất đai, chính sách lao động và tiền lương với nhiều ưu đãi hơn so với trong Đại lục. Chính vì vậy, sau thời gian đi vào hoạt động, đặc khu kinh tế Thâm Quyển đã thu được những thành công ngoài

⁹ Wang, Xiaomin, 2000, *Zhongguancun, Science Park: A SWOT Analysis*, visiting researchers series no.

mong đợi khi đến năm 2003, đặc khu này đã nắm giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân khi thu được giá trị xuất khẩu là 48 tỷ USD, chiếm 14% tổng thu nhập quốc dân, 30 tỷ USD vốn đầu tư FDI và hơn 3 triệu lao động trực tiếp (FIAS, 2008).

Với sự ra đời và thành công của đặc khu kinh tế Thẩm Quyển, hàng loạt những đặc khu khác cũng được thành lập trong phạm vi Trung Quốc và lan rộng trên khắp phạm vi thế giới theo những hình thức khác nhau. Một số quốc gia thành công như: khu kinh tế Incheon (Hàn Quốc) hay Dubai (Các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất), nhưng cũng có những mô hình thất bại như đặc khu kinh tế Vũng Tàu, Côn đảo.

Song song với đó là sự hình thành và gia tăng nhanh chóng về mặt số lượng các khu công nghiệp trên thế giới. Về bản chất, khu công nghiệp cũng có đặc thù tương tự như khu chế xuất, tuy nhiên ở một góc độ khác, khu công nghiệp tập trung các doanh nghiệp chuyên sản xuất hàng công nghiệp, có thể sản xuất cho nội địa hoặc xuất khẩu nên phạm vi doanh nghiệp tham gia mở rộng hơn so với khu chế xuất. Chính vì lý do này, nên mô hình này cũng được áp dụng phổ biến tại các nước đang phát triển nhằm thu hút vốn đầu tư, mở rộng việc làm nhằm từng bước đô thị hóa, cải tạo cuộc sống tại nông thôn. Điển hình cho ra đời các khu công nghiệp và phát triển các khu công nghiệp cần phải kể đến trường hợp của Việt Nam. Bắt đầu từ năm 1991, Chính phủ Việt Nam ký quyết định ban hành các khu công nghiệp, cho đến thời điểm tháng 10 năm 2009, đã có 223 khu công nghiệp được thành lập và đi vào hoạt động (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2009)¹⁰.

Những mặt mạnh về thành lập các khu kinh tế như đã được nêu tương tự ở khu chế xuất.

Tuy nhiên trong giai đoạn này vì mục tiêu chạy theo tăng trưởng, không chú trọng đến những vấn đề liên quan nên đã dẫn đến nhiều hạn chế mà đến thời điểm hiện tại, các nước đang phát triển phải đối phó và từng bước khắc phục, đó là tình trạng phụ thuộc vào nước ngoài để nhận được những khoản ưu đãi, ô nhiễm môi trường do khai thác, sử dụng nhiều chất thải, hóa học và sản sinh ra nhiều khí CO₂ dẫn đến hiệu ứng nhà kính có tác động tiêu cực đến đời sống kinh tế xã hội của người dân... Cũng chính vì những hạn chế này mà đến thời điểm hiện tại, những mô hình kinh tế mới được đưa ra và vận dụng ở một số nơi trong đó mục tiêu hàng đầu hướng đến đó là tăng trưởng xanh. Điển hình trong số này cần kể đến mô hình khu công nghiệp sinh thái, công nghiệp xanh... nhằm thực hiện song hành hai mục tiêu tăng trưởng và bảo vệ môi trường.

Trong khi đó, các quốc gia phát triển lại kiên trì theo mô hình khu ngoại thương, khu công nghệ (hình thức khu đặc biệt). Trong đó phải kể đến Australia xây dựng cả 10 khu công nghệ (technology development zones) (BearingPoint, ILO database WEPZA (2007), FIAS research).

Thông qua nghiên cứu lịch sử hình thành các loại hình khu kinh tế trên thế giới ta có thể rút ra một số kết luận: (1) Lịch sử thế giới đã trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, tương ứng với mỗi thời kỳ là những đặc trưng về mô hình khu kinh tế khác nhau. Trong đó nổi bật lên đặc thù của việc hình thành mô hình khu kinh tế là một vấn đề mang tính tự nhiên, tất yếu, nó xuất phát từ lợi thế về địa lý, nguồn lực là yếu tố cơ bản để hình thành những khu kinh tế. (2) Bên cạnh tính tự nhiên, tất yếu thì việc hình thành các khu kinh tế cũng xuất phát từ chủ quan từ các nhà chính sách khi muốn tận dụng những lợi thế của quốc gia mình tạo ra lợi thế cạnh tranh trong quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế. (3) Trên thực tế có nhiều cách hiểu, cũng như

¹⁰ Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2009, Báo cáo môi trường quốc gia, môi trường khu công nghiệp Việt Nam.

biểu hiện về các khu kinh tế khác nhau, tuy nhiên các nhà kinh tế học cũng thống nhất khu kinh tế phải đặt trong phạm vi quốc tế, tức là thông qua việc tổ chức thành các khu kinh tế có tác dụng giúp nền kinh tế bản địa tham gia sâu vào kinh tế toàn cầu, góp phần thu hút đầu tư, giải quyết việc làm, đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế trong nước. (4) Ở mỗi quốc gia, khu vực khác nhau lại hình thành những khu kinh tế với những đặc điểm về hình thức, tổ chức và mục tiêu khác nhau. Trong khi các nước phát triển, hướng tới mô hình thu hút công nghệ cao thì các nước đang phát triển lại hướng đến tận dụng các lợi thế sẵn có về nhân công giá rẻ và nguồn tài nguyên thiên nhiên. (5) Việc phát triển mô hình các khu kinh tế sẽ còn tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau do những mô hình hiện tại vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt là ở các quốc gia đang phát triển.

5. SỰ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH KHU KINH TẾ TẠI VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 5 năm 1979, Chính phủ Việt Nam đã xem xét tờ trình về việc thành lập đặc khu kinh tế đầu tiên Vũng Tàu - Côn Đảo. Trong tờ trình đã đề cập: “Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo có nhiệm vụ chính là phục vụ tốt công tác tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu mỏ và khí đốt ở thềm lục địa miền Nam nước ta, đồng thời kết hợp với nhiệm vụ bảo đảm an ninh, quốc phòng, phát triển công nghiệp đánh cá, du lịch và các yêu cầu kinh tế, xã hội khác trong đặc khu”¹¹. Sau đó, ngày 30 tháng 5 năm 1979, Quốc hội ra nghị quyết riêng về việc thành lập đặc khu kinh tế Vũng Tàu - Côn Đảo trực thuộc Trung ương. Theo nghị quyết này, đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo gồm có thị xã Vũng Tàu, xã Long Sơn thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Nai và huyện Côn Đảo thuộc tỉnh Hậu

Giang.¹² Trải qua 2 giai đoạn điều chỉnh về hình thức tổ chức hành chính, đến ngày 12 tháng 8 năm 1991, kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa VIII ra nghị quyết về việc điều chỉnh địa giới hành chính nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước.

Từ đó Chính phủ quyết định thành lập tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu từ Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo và 3 huyện Long Đất, Châu Thành và Xuyên Mộc thuộc tỉnh Đồng Nai. Như vậy sau 12 năm hoạt động, đặc khu kinh tế đầu tiên của nước ta đã giải thể. Mặc dù không nêu rõ lý do, tuy nhiên mọi người có thể hiểu đó là do mô hình đặc khu này đã không mang lại những hiệu quả như mong muốn. Ngành công nghiệp dầu khí trong giai đoạn này đã có sự phát triển nhờ phần lớn do những lợi thế từ tự nhiên và hỗ trợ quốc tế chứ không phải do mô hình “đặc khu” mang lại.

Sau giai đoạn này, mô hình khu kinh tế tại Việt Nam lại có sự điều chỉnh và phát triển theo hướng khác mà mở đầu là mô hình Khu chế xuất. Văn bản đầu tiên quy định về vấn đề này là Nghị định 322/HĐBT ngày 18/10/1991 ban hành về quy chế Khu chế xuất và hình thành một số khu chế xuất đầu tiên là: Tân Thuận và Linh Trung. Tiếp theo đó, mô hình khu công nghiệp được đề cập với Nghị định 192/CP ngày 28/12/1994 về ban hành Quy chế Khu công nghiệp. Sự hình thành và phát triển của các khu công nghiệp đã mang lại luồng gió mới, tạo nên động lực lớn để các địa phương tăng trưởng kinh tế dựa vào nguồn nhân lực giá rẻ. Sau đó hàng loạt các khu công nghiệp được hình thành tại các địa phương trong cả nước mà tập trung hầu hết ở các vùng kinh tế trọng điểm. Tuy nhiên chính sự phát triển ồ ạt này đã để lại những hệ lụy đáng tiếc và những vấn đề về môi trường, chất lượng tăng trưởng. Chính

¹¹ Trích: <http://vneconomy.vn/thoi-su/dac-khu-kinh-te-hanh-trinh-dang-viet-do-20120824014356769.htm>

¹² Trích: [https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C5%A9ng_T%C3%A0u_-_C%C3%B4n_%C4%90%E1%BA%A3o_\(%C4%91%E1%BA%B7c_khu\)](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C5%A9ng_T%C3%A0u_-_C%C3%B4n_%C4%90%E1%BA%A3o_(%C4%91%E1%BA%B7c_khu))

vì vậy, đến năm 1997, quy chế khu công nghệ cao được ban hành lần đầu tiên kèm theo Nghị định 36/CP ngày 24/4/1997. Khu công nghệ cao Hòa Lạc thành lập theo quyết định số 198/1998/QĐ-Ttg ngày 12 tháng 10 năm 1998 đã thể hiện sự thay đổi trong nhận thức của Chính phủ khi đã đến hướng tăng trưởng dựa vào nguồn nhân lực chất lượng cao và khoa học công nghệ.

Cùng thời gian này, với thế mạnh về đường biên giới, các khu kinh tế cửa khẩu cũng đã được quan tâm đầu tư phát triển giai đoạn tiếp theo, nổi bật trong đó là khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, Tây Ninh đi kèm Quyết định số 2310/QĐ-Ttg ngày 27 tháng 10 năm 1998.

Đến năm 1999, nhằm cụ thể hóa chủ trương tận dụng thế mạnh về địa lý, phát triển kinh tế biển, Chính phủ đã ban hành quyết định số 204/1999/QĐ-Ttg ngày 18 tháng 10 năm 1999 về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng khu kinh tế mở Chu Lai. Sau đó đến năm 2003, khu kinh tế mở Chu Lai mới chính thức đi vào hoạt động.

Như vậy, khái quát quá trình hình thành và phát triển khu kinh tế tại Việt Nam, ta nhận thấy có 5 loại hình chính đó là: (1) Khu chế xuất; (2) Khu công nghiệp; (3) Khu công nghệ cao; (4) Khu kinh tế cửa khẩu; (5) Khu kinh tế (đặc khu, hay khu kinh tế ven biển). Đặc điểm và lịch sử hình thành của từng loại hình khu kinh tế được tác giả khái quát như sau¹³:

Khu chế xuất: là khu công nghiệp tập trung các doanh nghiệp chế xuất chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, thực hiện các dịch vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu, có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống; do Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập. Năm bắt đầu xuất hiện khu chế xuất là năm 1991, hiện

giờ tại Việt Nam có tổng cộng 4 khu chế xuất đều tập trung tại TP.HCM

Khu công nghiệp: là khu tập trung các doanh nghiệp khu công nghiệp chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống; do Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, trong khu công nghiệp có thể có doanh nghiệp chế xuất. Năm bắt đầu hình thành các khu công nghiệp tại Việt Nam là 1994, và có tổng cộng 298 khu phân bố rộng khắp cả nước. Trong đó vùng kinh tế trọng điểm miền bắc chiếm 64 khu, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung: 42 khu; vùng kinh tế trọng điểm miền Nam 145 khu (tập trung cao ở Đồng Nai, Bình Dương, Long An); Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long: 47 khu¹⁴.

Khu công nghệ cao: là khu kinh tế - kỹ thuật đa chức năng, có ranh giới xác định, do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, nhằm nghiên cứu - phát triển và ứng dụng công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, đào tạo nhân lực công nghệ cao và sản xuất, kinh doanh sản phẩm công nghệ cao. Trong Khu công nghệ cao có thể có khu chế xuất, kho ngoại quan, khu bảo thuế và khu nhà ở. Khu Công nghệ cao khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ phần mềm tin học, công nghệ sinh học, công nghệ vi điện tử, cơ khí chính xác, cơ - điện tử, công nghệ vật liệu mới... Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các Khu công nghệ cao trong phạm vi cả nước. Ban Quản lý Khu công nghệ cao do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập. Đây là mô hình tiên tiến và đang được khuyến khích phát triển tại Việt Nam. Mô hình

¹³ Nguồn tổng hợp từ nghiên cứu của tác giả

¹⁴ Nguồn tác giả tập hợp từ website các khu công nghiệp của Việt Nam tại đường link: <http://viipip.com/homevn/?module=listip> ; ngày truy cập: 4/10/2015.

này được thành lập đầu tiên vào năm 1998, cho đến hiện tại đã có 3 khu thành lập ở 3 trung tâm kinh tế lớn cả nước: Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.

Khu Kinh tế cửa khẩu: là một không gian kinh tế xác định, gắn với cửa khẩu quốc tế hay cửa khẩu chính của quốc gia, có dân cư sinh sống và được áp dụng những cơ chế, chính sách phát triển đặc thù, phù hợp với đặc điểm từng địa phương sở tại nhằm mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất dựa trên việc qui hoạch, khai thác, sử dụng, phát triển bền vững các nguồn lực, do Chính phủ hoặc Thủ tướng quyết định thành lập. Năm đầu tiên hình thành mô hình khu kinh tế cửa khẩu là năm 1998, cho đến hiện tại cũng đã có 25 khu được hình thành tại các tỉnh có đường biên giới.

Khu kinh tế đặc biệt (đặc khu kinh tế): Là khu vực có ranh giới địa lý xác định thuộc lãnh thổ và chủ quyền quốc gia, có không gian kinh tế riêng biệt, với môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi và bình đẳng. Quan hệ trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa Khu kinh tế (KKT) và thị trường trong nước là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu, có tổ chức Hải quan thực hiện việc kiểm tra, giám sát hàng hoá theo pháp luật hiện hành. So với KCN, thì KKT sẽ gồm nhiều loại hình khu khác nhau, với nhiều đối tượng quản lý khác nhau. Mỗi Khu kinh tế khi thành lập đều có một quy chế riêng, có sự ưu đãi vượt trội, bao gồm cả một số chính sách thí điểm và mang tính thực nghiệm. Các khu đều có một mục tiêu chính là khơi dậy lực lượng sản xuất tại chỗ và thu hút lực lượng sản xuất; là hạt nhân và là động lực phát triển kinh tế - xã hội có tính chất vùng trong chiến lược phát triển quốc gia. Khu kinh tế đặc biệt (đặc khu kinh tế) được thành lập đầu tiên vào năm 2003, cho đến nay đã có 15 khu kinh tế được hình thành và tập trung ở các tỉnh có đường biên dài, trải dài từ Bắc đến Nam.

6. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

So sánh cùng với tiến trình phát triển các khu kinh tế trên thế giới, các khu kinh tế tại Việt Nam cũng có những nét tương đồng nhưng cũng có đặc thù riêng biệt. Điểm tương đồng có thể nhắc tới đó là việc tận dụng các lợi thế về địa lý để tạo ra các cực tăng trưởng trong nội bộ nền kinh tế, cũng như việc tận dụng những lợi thế so sánh nhằm góp phần thúc đẩy nền kinh tế địa phương, cũng như cả nước đi lên. Điểm khác biệt thể hiện ở việc nước ta cũng hình thành khá nhiều loại hình khu kinh tế chứ không tập trung vào một loại hình cụ thể nào cả. Nó xuất phát từ việc tận dụng thế mạnh về nguồn lực và địa lý của từng địa phương, trong đó loại hình khu kinh tế cửa khẩu là một hình thái hay cách gọi khác của khu thương mại hay cảng tự do.

Ban đầu, việc hình thành các khu kinh tế của ta xuất phát từ việc tận dụng các lợi thế so sánh mà chủ yếu xuất phát từ nguồn nhiên liệu sẵn có (đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo) cùng với nguồn nhân công giá rẻ (các khu chế xuất - khu công nghiệp) và những ưu đãi trong chính sách nhằm thu hút đầu tư vốn, hay nói cách khác là tăng cường phát triển theo chiều rộng với việc mở rộng quy mô và các loại hình khu kinh tế. Hiện nay chính sách của ta đã chuyển dần sang hướng thu hút đầu tư phát triển theo chiều sâu với việc chuyển sang mô hình các khu kinh tế hiện đại trên cơ sở tận dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ khoa học công nghệ hiện đại, tiên tiến (việc hình thành các khu công nghệ cao). Tuy nhiên việc chuyển đổi này là vô cùng khó khăn vì chúng ta phải đối diện với nhiều thách thức: trình độ nguồn nhân lực, việc tạo ra thể chế, chính sách thực sự có hiệu quả nhằm thu hút nhà đầu tư cả về vốn cũng như công nghệ...

Việc hình thành các khu kinh tế ở ta còn khá dãn trải, chưa mang tính đặc thù và còn

mang tính chạy đua giữa các khu vực, địa phương. Cũng chính vì sự phát triển dàn trải này mà đã tạo ra nhiều vấn đề đặt ra trong bối cảnh hiện nay: số lượng các khu công nghiệp nhiều tác động không nhỏ đến môi trường, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của kinh tế mà hiện nay chúng ta vẫn còn đang phải giải quyết... Ngoài ra sự phát triển dàn trải đã đặt ra vấn đề về quy hoạch và phát triển nói chung của các khu kinh tế. Hầu hết các ở các địa phương đều hình thành các loại hình khu kinh tế khác nhau, điều này chưa tạo ra sự khác biệt, nhỏ lẻ và phân tán không đủ đảm bảo hiệu quả kinh tế, xã hội chính vì vậy nó chưa đảm bảo vai trò tạo ra cực tăng trưởng thực sự thúc đẩy sự tăng trưởng của khu vực và toàn nền kinh tế.

Các nhà kinh tế đã khái quát các vai trò khu kinh tế đối với nền kinh tế của quốc dân: (1) tạo lợi thế cạnh tranh quốc gia; (2) tạo ra các cực tăng trưởng mới; (3) giúp định vị nền kinh tế quốc dân trong chuỗi giá trị kinh tế toàn cầu và thu hút đầu tư nước ngoài; (4) là cửa ngõ để hấp thu, sản sinh doanh nghiệp, tri thức và công nghệ toàn cầu; (5) là công cụ để đổi mới thể chế phát triển và tạo ra các đột phá phát triển; (6) là môi trường để thử nghiệm thể chế quản trị nhà nước hiện đại; (7) hình thành “một nền kinh tế phát triển hiện đại” bên trong nền kinh tế quốc dân¹⁵. Tuy nhiên ở Việt Nam vai trò của các khu kinh tế còn khá mờ nhạt, chủ yếu nhằm thu hút đầu tư, giải quyết việc làm. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự hạn chế về vai trò của các khu kinh tế này, tuy nhiên theo FIAS(2008), thì để một khu kinh tế thực hiện tốt vai trò của mình thì điều cơ bản cần xuất phát từ việc xây dựng một thể chế quản trị tốt. Đây cũng chính là vấn đề cơ bản nhất đối với sự hình thành và phát triển khu kinh tế ở nước

ta.

Từ những nhận định như trên, tác giả đề xuất một số kiến nghị như sau:

Thứ nhất, cần xem xét công tác quy hoạch, đầu tư và phát triển hạ tầng các khu kinh tế. Đây là tiền đề xây dựng cũng như thu hút đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Ngoài ra công tác quy hoạch cần được xem xét tổng thể dựa trên cơ sở những lợi thế cạnh tranh của từng vùng và địa phương.

Thứ hai, các mô hình khu kinh tế hiện nay chủ yếu phát triển dựa theo việc tận dụng lợi thế so sánh về ưu đãi thuế quan, chính sách, nguồn lao động giá rẻ và đang dần bộc lộ những hạn chế. Việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng cho các khu kinh tế là vấn đề cần thiết cấp bách để với xu hướng chuyển dần sang thu hút lao động chất lượng cao, khoa học công nghệ, đảm bảo các vai trò về tạo ra cực tăng trưởng và đảm bảo lợi thế quốc gia, cửa ngõ hấp thu, sản sinh doanh nghiệp, tri thức và công nghệ toàn cầu để hình thành lợi thế quốc gia.

Thứ ba, việc ban hành các ưu đãi để thu hút đầu tư là rất quan trọng, tuy nhiên chúng ta cũng phải đảm bảo tuân thủ các thông lệ quốc tế trong quá trình hình thành các khu kinh tế. Các chính sách ưu đãi cần nhất quán, ổn định và phù hợp để các doanh nghiệp cũng như các nhà đầu tư phát triển lâu dài.

Thứ tư, xây dựng thể chế phù hợp để phát triển các khu kinh tế trong đó xem xét giao quyền tự chủ nhiều hơn cho các khu cũng như các địa phương đặt địa bàn của khu kinh tế. Các khu kinh tế phát triển cần dựa trên việc thực hiện một thể chế tốt chứ không chỉ dựa trên những chính sách để thu hút đầu tư và lao động giá rẻ. Bên cạnh đó, đây cũng chính là điều kiện và tiền đề tốt để chúng ta đảm bảo thực hiện vai trò “thực nghiệm tạo ra thể chế tốt để áp dụng cho toàn quốc”.

¹⁵ Võ Đại Lực, 2010, “Xây dựng các khu kinh tế mở và các đặc khu kinh tế ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế”, đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, Mã số: KX01.07/06-10

Cuối cùng, xem xét và thống nhất các chính sách liên quan đến an sinh xã hội và môi trường có sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ, tránh để ảnh hưởng lại hệ quả lâu dài.

Hạn chế nghiên cứu và hướng nghiên cứu tiếp theo: bài nghiên cứu đã tổng hợp xu hướng hình thành phát triển các khu kinh tế tại Việt Nam và trên thế giới, từ đó đưa ra một số nhận xét về vai trò và hạn chế trong việc hình thành và phát triển các khu kinh tế tại Việt Nam. Tuy nhiên những nhận xét này chỉ dựa trên quan

điểm của cá nhân nhóm tác giả, chính vì vậy tính thuyết phục không cao. Hướng nghiên cứu tiếp theo, nhóm tác giả sẽ đánh giá vai trò của các khu kinh tế đối với sự tăng trưởng và phát triển của các địa phương dựa trên khảo sát thực tế.

Issues in developing model of economic zones in Vietnam

• **Nguyen Anh Tuan**

• **Nguyen Tien Dung**

University of Economics and Law, VNU HCM - Email: tuanna@uel.edu.vn

ABSTRACT

Economic zone is a special model which plays an important role in the growth and development of a nation. The history of economic zones dates back from the early of 18th century under the form of autonomous regions or free trade areas. After many periods, economic zone has experienced different forms. The paper mainly uses synthesis and comparison methods to show the trend in establishing and developing economic zones in Vietnam. A comparison with the world's experience is also conducted. The author finds that the model of economic zones

in Vietnam has similarities and differences with that of the world and entails shortcoming. Vietnam's model relies on attracting low-cost labor, available materials and preferential policies. To catch up with the current trend in the world, it is necessary to build a regime or policy which is appealing enough to attract investment capital, high-quality human resource so as to create a gateway for knowledge, science and technology. This is to turn economic zones into a booster for the economic development of the region and the nation.

Keywords: Economic zones, history of establishment, economic model.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Báo cáo môi trường quốc gia, môi trường khu công nghiệp Việt Nam* (2009).
- [2]. FIAS, *Special economic zone: Performance, Lessons, Learned, and Implications for zone development*, The World bank, WC (2008).
- [3]. <http://baodatviet.vn/khoa-hoc/khoa-hoc/thu-tuong-duyet-thanh-lap-them-3-khu-cong-nghe-cao-3272045/>. Ngày truy cập 4/10/2015
- [4]. <http://viipip.com/homevn/?module=listip>. Ngày truy cập 4/10/2015
- [5]. http://www.investconsultgroup.net/vn/industry_zones/#top. Ngày truy cập 4/10/2015
- [6]. https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%93ng_K%C3%B4ng. Ngày truy cập 4/10/2015
- [7]. https://vi.wikipedia.org/wiki/Khu_c%C3%B4ng_ngh%E1%BB%87_cao_H%C3%B2a_L%E1%BA%A1c. Ngày truy cập 4/10/2015
- [8]. https://vi.wikipedia.org/wiki/Ma_Cao. Ngày truy cập 4/10/2015
- [9]. <https://vi.wikipedia.org/wiki/Singapore>. Ngày truy cập 4/10/2015

- [10]. Nguyễn Ngọc Điện, *Nghiên cứu xây dựng cẩm nang quản trị và dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp trong ĐHQG- HCM*, đề tài cấp ĐHQG-HCM trọng điểm 2011, mã số B2011-76-01TD (2013).
- [11]. Nguyễn Ngọc Lan Chi, *Eo biển Gibraltar dậy sóng*, Thanh niên online (2015), ngày truy cập 12/7/2015, nguồn <http://www.thanhnien.com.vn/the-gioi/eo-bien-gibraltar-day-song-471533.html>
- [12]. Thomas Farole, *Special Economic Zone: progress, Emerging Challenges, and Future Direction*, The World Bank, WC (2011).
- [13]. Trung tâm thông tin và dự báo Kinh tế xã hội quốc gia, *Báo động về ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp Việt Nam* (2013), nguồn: <http://www.ncseif.gov.vn/sites/vie/Pages/baodongveonhiemmoi-nd-16538.html>. Ngày truy cập 19/9/2015
- [14]. Võ Đại Lực, “Xây dựng các khu kinh tế mở và các đặc khu kinh tế ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế”, đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, Mã số: KX01.07/06-10 (2010).
- [15]. Wang, Xiaomin, *Zhongguancun, Science Park: A SWOT Analysis*, Visiting researchers series no. 10(2000).